TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Z** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2020.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Z, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chào.
2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Z tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 510/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST ngày 07 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Q, sinh năm 1981, địa chỉ: tổ 16, ấp Bình An, xã X, huyện Z, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1983, địa chỉ: tổ 14, ấp Bình Thạnh, xã C, huyện Z, tỉnh An Giang.

Chị Q có mặt tại phiên tòa. Anh P vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Q trình bày như sau:*

Chị và anh Nguyễn Văn P do quen biết, tìm hiểu rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2004, đến năm 2007 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Z, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó anh Phúc chỉ lo ăn nhậu, không chăm lo làm ăn, còn có hành vi bạo lực gia đình nên vợ chồng thường hay cãi vã, bất hòa với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2018 thì vợ chồng quyết định sống ly thân đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn nên chị Q yêu cầu xin ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh Q có 04 con chung tên Nguyễn Thị Trúc A, sinh ngày 22/7/2004; Nguyễn Huy A1, sinh ngày 28/7/2006; Nguyễn Huy A2, sinh ngày 10/12/2008 và Nguyễn Huy A3, sinh ngày 28/01/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được

nuôi cháu A3, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu A, cháu A1 và cháu A2 đã lớn, chị để tùy các con quyết định muốn sống với cha hay mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn P không có văn bản ý kiến về vụ án. Tòa án cũng đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và động viên, hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn P không đến.

** Tại phiên tòa:*

Chị Q vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh P, yêu cầu giải quyết về con chung; Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Z phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về trình tự tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Chị Q, anh P tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên hôn xét đây là hôn nhân hợp pháp. Lý do ly hôn: Hôn nhân giữa chị Q và anh P đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn nên nhận thấy yêu cầu ly hôn của chị Q là có căn cứ chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Có 04 con chung, căn cứ vào quyền, lợi ích của con chung, cũng như nguyện vọng của các cháu nên đề nghị giao cháu A cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu A1, cháu A2 và cháu A3 giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết. Về án phí: chị Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết*:

Chị Q khởi kiện yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh P, bị đơn anh P có nơi cư trú tại ấp Bình Thạnh, xã C, huyện Z, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Z có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thủ tục tố tụng*:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa chị Q có mặt, riêng anh P vắng mặt, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị Q và anh P tự nguyện kết hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã C nên xét hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Q, chị Q yêu cầu xin ly hôn với anh P vì cho rằng khi còn sống chung, anh P thường xuyên dùng rượu, không chăm lo làm ăn, lại có hành vi bạo lực gia đình, thường hay kiếm chuyện, đánh chị và các con. Từ đó vợ chồng thường cãi vã, bất hòa với nhau, phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng,

anh chị đã sống ly hôn từ năm 2018 đến nay. Tại phiên tòa, chị Q vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Anh P đã được Tòa án triệu tập để tiến hành động viên, hòa giải nhưng anh P vẫn không đến cũng như không có văn bản ý kiến gì đối với việc chị Q xin ly hôn.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh đối với bà Võ Thị Sáu, là mẹ ruột của anh P cho biết, bà hiện đang sống cùng nhà với anh P, anh P đang đi làm xa, không xin về được, bà có gọi điện thoại báo cho anh P về việc chị Q xin ly hôn, anh P trả lời là để tùy Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì chị Q đã tự bỏ nhà đi và tự yêu cầu ly hôn. Điều đó thể hiện anh P không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Q. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị Q và anh P đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Q về việc ly hôn với anh P là có cơ sở nên chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Chị Q và anh P có 04 con chung tên Nguyễn Thị Trúc A, sinh ngày 22/7/2004; Nguyễn Huy A1, sinh ngày 28/7/2006; Nguyễn Huy A2, sinh ngày 10/12/2008 và Nguyễn Huy A3, sinh ngày 28/01/2017. Hiện cháu A đang sống với chị, còn cháu A1, cháu A3 và cháu A2 đang sống với anh P.

Khi ly hôn, chị Q yêu cầu nuôi cháu A3, còn ba cháu còn lại để tùy các con quyết định muốn sống với cha hay mẹ. Anh P không có ý kiến về con chung nhưng theo xác minh từ bà Sáu thì hiện cháu A1, cháu A3 và cháu A2 đang sống cùng với bà và anh P, không đồng ý giao các cháu cho chị Q nuôi dưỡng. Theo quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu A, cháu A có nguyện vọng sống với mẹ, còn ghi nhận ý kiến của cháu A1 và cháu A2, hai cháu có nguyện vọng sống với cha. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay Cháu A đang sống ổn định với chị Q và cháu A cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên giao cháu A cho chị Q nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu A1 và cháu A2 cũng đã sống ổn định với anh P và cũng có nguyện vọng sống với anh P nên giao cháu A1 và cháu A2 cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp. Riêng cháu A3, hiện cháu đang sống ổn định với anh P, do cháu còn nhỏ nên chưa thể ghi nhận ý kiến của cháu, tuy nhiên xét thấy chị Q đã ly thân với anh P đến nay gần 02 năm, thời gian đó anh P vẫn chăm sóc cháu A3 tốt, ổn định và cháu A3 cũng đã quen sống cùng với hai anh là A1 và A2, tại phiên tòa hôm nay chị Q cũng đồng ý để anh P trực tiếp nuôi cháu A3 nên xét thấy giao cháu A3 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Do chị Q không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, anh P cũng không có ý kiến về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này, chị Q và anh P có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mà phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác giải quyết.

[2.4] *Về tài sản chung*: Chị Q khai không có, anh P không có ý kiến, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này, chị Q và anh P có phát sinh tranh chấp, yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác giải quyết.

[2.5] *Về nợ chung:* Chị Q khai không có, anh P không có ý kiến, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của chị Q được chấp nhận nên chị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm theo được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng

được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị Q đã nộp theo biên lai thu số TU/2017/0005206 ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z, nên chị Q không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Q.

- Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 154/KH, quyển số I/2007 ngày 18 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Z, tỉnh An Giang cấp cho chị Đặng Thị Q và anh Nguyễn Văn P không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Trúc A, sinh ngày 22/7/2004 cho chị Đặng Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động. Hiện cháu A đang sống với chị Q.

Giáo cháu Nguyễn Huy A1, sinh ngày 28/7/2006; Nguyễn Huy A2, sinh ngày 10/12/2008 và Nguyễn Huy A3, sinh ngày 28/01/2017 cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động được. Hiện cháu A1, cháu A2, cháu A3 đang sống với anh P.

Chị Q và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do người kia trực tiếp nuôi dưỡng.

Không ai được cản trở chị Q, anh P đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đặng Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị Q đã nộp theo biên lai thu số TU/2017/0005206 ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z nên chị Q không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Z;
- Chi cục THADS huyện Z;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Hoàng Vũ